

TÒA ÁN NHÂN DÂN

QUẬN H.M

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2020/DS-ST
Ngày 11, 16 và 21-12-2020
V/v: *tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H.M, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiêu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Sơn Hóa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân
quận H.M, Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 16 và 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST - DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, về “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 09 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V (VPBank)

- Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đ.Đ, Thành

phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Anh – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Pháp luật Ngân hàng theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/03/2018 của Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của VPBank.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng Lực – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Theo Văn bản ủy quyền số 8375/2019/UQ-VPB ngày 06/11/2019 của Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Giám đốc. Có mặt.

2. Bị đơn:

2. 1. Bà Nguyễn Thị M.P, sinh năm 1977, CMND số 013464345 do Công an Hà Nội cấp ngày 28/03/2011. Vắng mặt.

2. 2. Ông Trần K.T, sinh năm 1959, CCCD số 025059000033 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 06/09/2014. Vắng mặt (từ chối tham gia tố tụng).

Cùng có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại: số 113 đường 3,5 Khu đô thị Gamuda, phường T.P, quận H.M, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị M.P và ông Trần K.T vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V tổng số tiền là 4.087.000.000 đồng theo 02 Hợp đồng tín dụng số 3229773 ngày 16/04/2015 và Hợp đồng số 5391859 ngày 28/11/2015 cùng các khế ước nhận nợ, văn bản tín dụng kèm theo. Để bảo đảm cho khoản vay trên bà Phượng và ông Tự dùng tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 92b, tờ bản đồ số 6E-II-01 (diện tích 44,6 m²), có địa chỉ tại: Tổ 36,

phường Láng Thượng, quận Đ.Đ, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 774811, số vào sổ cấp GCN: CH00405.339.2011/QĐ-UBND do UBND quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 26/01/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị M.P, chi tiết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 1449/2015 quyền số 02/2015 ngày 14/04/2015 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Nguyễn Thị M.P và ông Trần K.T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank.

Do vậy, VPBank Yêu cầu:

- Tòa án buộc bà Nguyễn Thị M.P và ông Trần K.T phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo 02 Hợp đồng tín dụng số 3229773 ngày 16/04/2015 và Hợp đồng số 5391859 ngày 28/11/2015 cùng các Khế ước nhận nợ, văn bản tín dụng kèm theo; tạm tính đến ngày ngày 31/10/2019 bà Nguyễn Thị M.P và ông Trần K.T còn nợ VPBank số tiền là 6.045.393.372 đồng (trong đó, Nợ gốc: 3.657.085.055 đồng, Nợ lãi: 2.388.308.317 đồng đã gồm tiền phạt chậm trả và tiền hoàn ưu đãi).

- Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Nguyễn Thị M.P và ông Trần K.T thực tế thanh toán toàn bộ khoản nợ cho VPBank.

- Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản thế chấp cho khoản vay của bà Nguyễn Thị M.P và ông Trần K.T để thu hồi nợ cho VPBank, cụ thể như sau: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 92b, tờ bản đồ số 6E-II-01 (diện tích 44,6 m²), có địa chỉ tại: Tổ 36, phường Láng Thượng, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 774811, số vào sổ cấp GCN: CH00405.339.2011/QĐ-UBND do UBND quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày

26/01/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị M.P, chi tiết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 1449/2015 quyển số 02/2015 ngày 14/04/2015 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội.

Bị đơn trình bày: Bị đơn thừa nhận có ký 02 Hợp đồng tín dụng số 3229773 ngày 16/04/2015 và Hợp đồng số 5391859 ngày 28/11/2015 cùng các Khế ước nhận nợ, văn bản tín dụng kèm theo, đúng như Nguyên đơn trình bày. Việc nguyên đơn giải ngân cho chúng tôi vay tiền là đúng. Chúng tôi đã nhận đủ tiền vay. Chúng tôi thừa nhận đến ngày 13/07/2020 còn nợ nguyên đơn số tiền vay gốc là 3.657.085.055 đồng.

Tuy nhiên, chúng tôi không đồng ý trả nguyên đơn số tiền lãi tính đến ngày 13/07/2020 là 2.392.300.441 đồng (trong đó gồm cả tiền lãi, phạt chậm trả và tiền hoàn ưu đãi). Vì để xảy ra kiện tụng là do nguyên đơn đã làm mất danh dự, uy tín của bị đơn bằng cách gửi tài liệu đòi nợ, cho người đến nơi bị đơn công tác đòi nợ kiểu xã hội đen nhằm làm xấu bị đơn trước cơ quan. Tại buổi hòa giải ngày 14/07/2020, bị đơn chỉ đồng ý trả nguyên đơn tổng số tiền 4.300.000.000đ, gồm cả tiền nợ gốc và lãi. Nếu nguyên đơn chấp nhận thì bị đơn trả ngay. Nếu nguyên đơn không đồng ý thì bị đơn sẽ chứng minh ngân hàng có lỗi đối với bị đơn và đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Cụ thể, yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền nợ: tính đến ngày 10/12/2020 là: 6.426.118.649đ, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 3.657.085.055đ, lãi trong hạn là: 18.137.501đ, lãi quá hạn là: 2.302.161.043đ, phạt chậm trả 288.735.050đ, hoàn tiền ưu đãi 160.000.000đ. Bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi trên nợ gốc theo như đã thỏa thuận, tính tiếp từ ngày 11/12/2020 cho đến khi trả hết. Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ Minh toán các khoản tiền nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi

nợ, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 92b, tờ bản đồ số 6E-II-01 (diện tích 44,6 m²), có địa chỉ tại: Tổ 36, phường Láng Thượng, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 774811, số vào sổ cấp GCN: CH00405.339.2011/QĐ-UBND do UBND quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 26/01/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị M.P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 1449/2015 quyền số 02/2015 ngày 14/04/2015 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, Thành phố Hà Nội được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán/chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ.

Sau khi tạm ngừng, ngày 16/12/2020 phiên tòa tiếp tục. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, gồm: rút yêu cầu về tính tiền phạt chậm trả 288.735.000đ và hoàn tiền ưu đãi 160.000.000đ. Vì vậy, số tiền nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải trả còn 5.977.383.599đ, trong đó: tiền nợ gốc là 3.657.085.055đ, tiền lãi trong hạn là: 18.137.501đ và tiền lãi quá hạn 2.302.161.043đ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 171, Điều 172 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi ra quyết định xét xử, Tòa án đã tổng đạt quyết định cho đương sự và Viện kiểm sát theo đúng quy định. Toà án đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung khởi kiện: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, nhưng đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về tính tiền phạt chậm trả 288.735.000đ (*hai trăm tám mươi tám triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) và hoàn tiền ưu đãi 160.000.000đ (*một trăm sáu mươi triệu đồng*), do tại phiên tòa nguyên đơn đã rút phần yêu cầu này.

- Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị M.P và ông Trần K.T phải trả số tiền nợ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng số 3229773 ngày 16/04/2015 và Hợp đồng số 5391859 ngày 28/11/2015 cùng Khế ước nhận nợ. Do vậy, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị M.P và ông Trần K.T cùng cư trú tại: số 113 đường 3,5 Khu đô thị Gamuda, phường T.P, quận H.M, Thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H.M, Thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Qua trình giải quyết vụ án, ông Trần K.T đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, có văn bản trình bày quan điểm của mình và tham gia phiên hòa giải ngày 10/03/2020. Ông Tự sau đó đã xin từ chối tham gia mọi thủ tục tố tụng tiếp theo và khi xét xử xin được vắng mặt tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị M.P đã tham gia tố tụng, song khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã xin hoãn phiên tòa nhiều lần. Sau khi nhận được Thông báo mở lại phiên tòa, bà Phượng đã có Đơn

đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, gồm: rút yêu cầu về tính tiền phạt chậm trả tính đến ngày 10/12/2020 là 288.735.000đ và hoàn tiền ưu đãi 160.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu của mình là hoàn toàn tự nguyện. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút, theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V có Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng cổ phần hợp pháp. Việc Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V giao kết hợp đồng tín dụng với bị đơn là hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đã thực hiện đúng điều khoản theo các Hợp đồng tín dụng số 3229773 ngày 16/04/2015 và Hợp đồng số 5391859 ngày 28/11/2015 đã giao kết với bị đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị M.P và ông Trần K.T mới trả được nguyên đơn số tiền 1.220.429.156đ, trong đó: tiền gốc vay 429.914.945đ và 790.514.221đ tiền lãi. Còn lại bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: kể từ ngày 28/07/2017 vi phạm đối với Hợp đồng số 5391859 ngày 28/11/2015 và từ ngày 16/04/2017 vi phạm đối với Hợp đồng tín dụng số 3229773 ngày 16/04/2015.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; các Quyết định áp dụng lãi suất và điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V, cần xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu của bị đơn: Bị đơn thừa nhận tiền nợ gốc phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng số 3229773 ngày 16/04/2015 và Hợp đồng số 5391859 ngày

28/11/2015 cùng các khế ước nhận nợ. Song, bị đơn chỉ đồng ý trả nguyên đơn 4.300.000.000đ, gồm cả tiền nợ gốc và lãi. Lý do là vì nguyên đơn đã làm mất danh dự, uy tín của bị đơn bằng cách gửi tài liệu đòi nợ, cho người đến nơi bị đơn công tác đòi nợ kiểu xã hội đen nhằm làm xấu bị đơn trước cơ quan. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn không đưa ra căn cứ rõ ràng về lỗi của nguyên đơn, nên không có căn cứ xem xét giảm phần nghĩa vụ trả nợ cho bị đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Nguyễn Thị M.P và ông Nguyễn K.T phải chịu toàn bộ án phí. Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463; 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V về tính tiền phạt chậm trả 288.735.000đ (*hai trăm tám mươi tám triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) và hoàn tiền ưu đãi 160.000.000đ (*một trăm sáu mươi triệu đồng*), tính đến ngày 10/12/2020.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V đối với bà Nguyễn Thị M.P và ông Trần K.T về “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

2.1. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng và ông Trần K.T phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V số tiền còn nợ tính đến ngày 10/12/2020 là 5.977.383.599đ (*năm tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm chín mươi chín đồng*), trong đó: tiền nợ gốc là 3.657.085.055đ (*ba tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm năm mươi lăm đồng*), tiền lãi trong hạn là: 18.137.501đ (*mười tám triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm linh một đồng*) và tiền lãi quá hạn 2.302.161.043đ (*hai tỷ ba trăm linh hai triệu một trăm sáu mươi một nghìn không trăm bốn mươi ba đồng*).

2.2. Kể từ ngày 11/12/2020, bà Nguyễn Thị Minh Phượng và ông Trần K.T phải tiếp tục trả tiền lãi của số nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng: số 3229773 ngày 16/04/2015 và số 5391859 ngày 28/11/2015 cùng các Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc 3.657.085.055đ (*ba tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm năm mươi lăm đồng*).

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị Minh Phượng và ông Trần K.T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản tiền nêu tại các Điểm 2.1; 2.2 phần Quyết định của Bản án này, thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi

nợ, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 92b, tờ bản đồ số 6E-II-01 (diện tích 44,6 m²), có địa chỉ tại: Tổ 36, phường Láng Thượng, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 774811, số vào sổ cấp GCN: CH00405.339.2011/QĐ-UBND do UBND quận Đ.Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/01/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị Minh Phượng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 1449/2015 quyền số 02/2015 ngày 14/04/2015 tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô, Thành phố Hà Nội.

4. Trường hợp Bản án/quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí dân sự:

5.1. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng và ông Trần K.T phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 113.977.383đ (*một trăm mười ba triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi ba đồng*).

5.2. Ngân hàng TMCP Việt Nam T.V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 58.000.000 đồng (*năm mươi tám triệu đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005181 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H.M, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết /.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H.M;
- Chi cục T.H.A Dân sự quận H.M;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Lê Quang Chiều